

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2017/HC-PT
Ngày 16 tháng 8 năm 2017
V/v Kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 164/2016/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 439/2017/QĐXX-PT ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1954. (có mặt)

Địa chỉ: tổ X, khu phố Y, thị trấn D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang – ông Phạm Vũ H (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phùng Quốc B – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P – ông Đinh Khoa T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Nguyễn Hùng D trình bày:*

Nguồn gốc đất 236m² gia đình ông Nguyễn Hùng D đang sử dụng tại khu phố Y, thị trấn D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang do ông tự khai phá, cất nhà ở vào năm 1991, có xác nhận của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn D1 tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 22/8/2009. Tại Biên bản xét duyệt của Hội đồng tư vấn giao đất và đăng ký đất đai đợt 48 vào ngày 20/10/2009 của UBND thị trấn D1 cũng thể hiện ông khai khẩn năm 1991, là trước ngày Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành. Ngày 15/6/2012, ông được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 236m² nêu trên (trong đó có 200m² đất ở đô thị phải đóng tiền và 36m² đất trồng cây lâu năm không phải đóng tiền sử dụng đất). Ông không đồng ý và làm đơn khiếu nại, bởi ông cho rằng đất ông sử dụng trước năm 1993 nên không phải đóng tiền sử dụng đất.

Ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 2606/QĐ-UBND giải quyết không thừa nhận khiếu nại của ông. Ông tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2515/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 của Chủ tịch UBND huyện P.

Ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hai Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện P và Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, yêu cầu công nhận cho ông sử dụng diện tích đất tổng số 236m² không phải nộp tiền sử dụng đất.

** Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang và đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện P trình bày:*

Diện tích 236m² gia đình ông D đang sử dụng tại khu phố Y, thị trấn D1, huyện P, tỉnh Kiên Giang, trước năm 1992 thuộc đất Nhà nước quản lý. Năm 1992 bà Hồ Thị V vào diện tích đất này cất nhà ở bằng cây lá và làm tiệm may, năm 1993 bà V về quê Đắc Lắc, nhà để trống và sau đó tự sập, năm 1994 ông D vào diện tích này cất nhà ở và làm nhà sấy mực bằng cây lá hết diện tích đất nêu trên, đến năm 2008 gia đình ông D tháo dỡ nhà cũ, xây lại nhà cấp 4 trên diện tích 236m². Biên bản xét duyệt đợt 48 vào ngày

10/9/2009 của UBND thị trấn D1 xác nhận thời điểm sử dụng đất của ông D vào năm 1991 là không chính xác. Đến ngày 27/9/2011 UBND thị trấn D1 xác minh lại nguồn gốc đất của ông D xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định diện tích đất 236m² ông D sử dụng gồm 03 phần (không xác định diện tích từng phần), thời điểm sử dụng đất vào năm 1995, 1996 và 1999; đồng thời hủy bỏ nội dung Biên bản xét duyệt đợt 48 nêu trên tại Biên bản xét duyệt số 326/BB-XDHD ngày 23/10/2011 (đợt 94 vào ngày 22/10/2011) của UBND thị trấn D1. Ngày 15/6/2012 UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông D với diện tích 236m² (gồm 200m² đất ở đô thị, 36m² đất trồng cây lâu năm). Ngày 21/6/2012, Chi cục thuế huyện P ra Thông báo số 2546/TB-SDĐ xác định hộ ông D phải nộp 50% tiền sử dụng diện tích đất ở 200m² là đúng quy định theo Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HCST ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và khoản 1 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 của Chủ tịch UBND huyện P.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng D về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hùng D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo Luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2016 người khởi kiện ông Nguyễn Hùng D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hùng D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy hai quyết định của Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang. Ông D cũng không cung cấp hay bổ sung chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phân tích toàn bộ các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy các Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện P và Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hùng D là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 22/8/2009 xác định nguồn gốc đất 236m² do ông D khai phá năm 1991; tại biên bản xét duyệt của Hội đồng tư vấn giao đất và đăng ký đất đai đợt 48 vào ngày 20/10/2009 của UBND thị trấn D1 cũng thể hiện ông D khai khẩn diện tích đất này vào năm 1991. Tuy nhiên, ngày 27/9/2011 UBND thị trấn D1 có Biên bản thẩm tra, xác minh lại nguồn gốc đất của ông D xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Tấn H1 xác định lại diện tích đất 236m² ông D sử dụng gồm 03 phần, thời điểm sử dụng đất vào năm 1995, 1996 và 1999. Biên bản xét duyệt số 326/BB-XDHD ngày 23/10/2011 của UBND thị trấn D1 xác nhận nội dung biên bản xét duyệt đợt 48 là không đúng vì ông D vào sử dụng đất này năm 1993.

Tại Biên bản ghi lời khai của ông D ngày 18/9/2014 ông cho rằng năm 1990 ông vào P sinh sống, sau đó về lại quê, năm 1992 – 1993 thì sinh con và đặt tên Nguyễn Thị H2. Sau khi sinh con được 20 ngày thì vợ ông vào lại P, khoảng 01 năm sau ông mới vào theo.

Tại Công văn số 912/CAH-QLHC ngày 13/11/2013 của Công an huyện P xác định: Trước năm 1993 ông D sống tại tỉnh Bình Định, từ năm 1993 đến tháng 11/2000 ông D tạm trú tại ấp G, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Mặt khác, Giấy khai sinh của chị Nguyễn Thị H2 là con ông D thể hiện chị H2 sinh ngày 08/01/1993 trong khi ông trình bày chị H2 sinh được khoảng 01

năm ông mới vào P. Như vậy, không có cơ sở xác định ông vào P từ năm 1990 và khai phá phần đất như ông trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cũng không cung cấp được thêm chứng cứ nào mới chứng minh ông đã khai phá và sử dụng phần đất này từ năm 1991 như ông trình bày.

[3] Từ những căn cứ nêu trên cho thấy ông D vào sử dụng phần đất 236m² sau ngày 15/10/1993. Do đó, ông D phải nộp 50% tiền sử dụng đất ở đối với diện tích đất ở 200m² là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng D là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Nguyễn Hùng D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hùng D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2016/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và khoản 1 Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 của Chủ tịch UBND huyện P.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng D về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hùng D.

Về án phí: Ông Nguyễn Hùng D phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp xong theo biên lai tạm ứng án phí số 0009297 ngày 25/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (5)13b. (Án 38)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười